

Bản án số: 61/2017/HSST
Ngày: 07/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Lan Phương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Diệp
2. Ông Đinh Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2017/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2017/QĐXXST-HS ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Triệu Văn A, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 24/7/1997; Nơi sinh: Huyện TA, tỉnh Cao Bằng; HKTT: Xóm TH, xã CT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12 phổ thông; Con ông: Triệu Văn S, sinh năm 1968 (Đã chết); Con bà: Lý Thị B, sinh năm 1978, HKTT: Xóm TH, xã CT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có 02 A em, bị cáo là con cả; Vợ: Bé Thị M, sinh năm 1993; Có 02 con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 24/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Họ và tên: Triệu Văn T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21/9/1999; Nơi sinh: Huyện TA, tỉnh Cao Bằng; HKTT: Xóm TH, xã CT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12 phổ thông; Con ông: Triệu Văn S, sinh năm 1968 (Đã chết); Con bà: Lý Thị B, sinh năm 1978, HKTT: Xóm TH, xã CT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có 02 A em, bị cáo là con út; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được gia đình bảo lãnh tại địa phương. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T: Bà Lý Thị B – Sinh năm 1978 -
Mẹ đẻ bị cáo

HKTT: Xóm TH, xã CT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng;

Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Nông Văn Dự - Luật sư trợ giúp viên
pháp lý tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Người bị hại: Lô Quang H, sinh năm 1971;

HKTT: Tổ HT, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Thu D - sinh năm
1989;

HKTT: Tổ M, thị trấn TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng;

Có mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Văn L

HKTT: Xóm TH, xã CT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng;

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30' ngày 20/5/2017, khi đang ở nhà (Tại Xóm TH, xã CT, huyện TA, tỉnh Cao Bằng) thì Triệu Văn A rủ em trai là Triệu Văn T đi cướp điện thoại, T nhất trí. Triệu Văn A có bàn bạc và phân công cho T “Tý nữa cùng A ra thành phố CB để lấy điện thoại”, T hỏi “Lấy thế nào”, A bảo “Đề A vào cửa hàng giả vờ hỏi mua điện thoại, em ở ngoài xe đợi, khi nào A lấy được thì ra xe em nổ máy xe bỏ chạy”, T đồng ý với kế hoạch của A đưa ra. Sau đó A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave màu xanh biển kiểm soát 11B1-105.21 chở T ngồi sau đến đoạn đường xóm KV, xã LC, huyện HA, tỉnh Cao Bằng thì A dừng xe lại dùng kìm mang theo từ nhà để tháo biển kiểm soát xe mô tô cắt vào trong cốp xe, mục đích để khi gây án không bị phát hiện. Rồi tiếp tục điều khiển xe đi đến thành phố Cao Bằng, A đi lòng vòng xung quanh thành phố CB để quan sát một số cửa hàng bán điện thoại. Sau đó, A và T vào quán uống nước ở gần cửa hàng thuốc thú y đầu cầu BG, phường HG, thành phố CB. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, A nói với T “Tý nữa qua cửa hàng bên Chợ X lấy điện thoại”, T đồng ý, A điều khiển xe mô tô đến gần cửa hàng điện thoại của anh Lô Quang H - tại ki ốt số 5 Chợ X, phường HG, thành phố CB thì dừng xe. Lúc này T nói “không lấy nữa” vì sợ bị bắt. T điều khiển xe mô tô đến đầu vòng xuyên đầu cầu BG, A bảo T dừng xe để quay lại lấy điện thoại. T dừng xe để A điều khiển quay lại và dùng xe trước cửa hàng anh H và nói với T “Đề A vào giả vờ hỏi mua điện thoại, nếu lấy được chạy ra thì em nổ máy xe bỏ chạy”. A vào cửa hàng còn T quay đầu xe mô tô tiến lên phía trước cách cửa hàng khoảng 04 mét hướng đầu xe về chợ Trung tâm SB ngồi đợi. Khi A vào cửa

hàng thấy anh H đang sửa điện thoại cho khách, A hỏi “Chú ơi ở đây có điện thoại Iphone 6 bán không”. Anh H bảo có và lấy 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu vàng đưa cho A xem, thấy máy không có mặt khóa A đã hỏi mượn H sim điện thoại để thử lắp vào máy. Khi anh H quay vào trong để lấy sim điện thoại, A cầm điện thoại chạy ra ngoài lên xe mô tô T đang chờ sẵn để bỏ chạy. Trên đường về đến đoạn PK, LC, HA, Cao Bằng, A và T dừng xe để lắp biển số xe vào như cũ và đi thẳng về nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, cả hai anh em đem điện thoại đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại HN ở gần trường Trung cấp T tỉnh Cao Bằng để bán. A đợi ở ngoài, T đem điện thoại vào bán cho chị Hoàng Thị Thu D - là vợ của chủ cửa hàng với giá 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). A lấy 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để đi trả nợ tiền sinh hoạt hàng ngày, còn lại 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chia nhau mỗi người 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này A và T đã chi tiêu cá nhân và mua ma túy về sử dụng hết.

Ngày 25/5/2017, cơ quan công an đã tiến hành thu giữ chiếc điện thoại di động Iphone 6 là tang vật vụ án đối với chị Hoàng Thị Thu D là người mua lại chiếc điện thoại do T đem bán. Ngày 15/7/2017 cơ quan công an đã trả lại cho chủ sở hữu.

Ngày 30 tháng 5 năm 2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định Trưng cầu định giá tài sản số 80 đối với vật chứng của vụ án. Tại bản kết luận về định giá tài sản số 20/KL-TCKH ngày 01/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cao Bằng kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng gold, bản 64GB, có số Imei 354447062470419, điện thoại đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 6.475.000đ (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Hành vi của Triệu Văn A và Triệu Văn T đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội Cướp giật tài sản theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Đối với Hoàng Thị Thu D là người đã mua lại 01 chiếc điện thoại Iphone do A và T chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác minh đã xác định khi mua lại điện thoại, D không biết chiếc điện thoại do phạm tội mà có. Do vậy cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Hoàng Thị Thu D.

Tại bản cáo trạng số: 54/KSĐT-SH ngày 04/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Triệu Văn A và Triệu Văn T về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn A và Triệu Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Sau khi T hiện hành vi phạm tội, tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt được đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu anh Lô Quang H.

Lời khai tại cơ quan điều tra của người bị hại Lô Quang H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị Thu D hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt anh Lô Quang H xác nhận đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa chị Hoàng Thị Thu D và các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận

việc bồi thường số tiền đã mua chiếc điện thoại Iphone 6 với giá 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), ngoài ra không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Xét thấy, việc thỏa thuận của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị Thu D là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T - bà Lý Thị B - mẹ đẻ bị cáo T: Con trai tôi có hoàn cảnh gia đình khó khăn, học hành không đến nơi đến chốn, không am hiểu pháp luật, nhận thức chưa được đầy đủ nên đã đi vào con đường phạm tội. Tại phiên tòa, các con tôi và chị D đã thỏa thuận được số tiền đền bù và chị D cũng đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho các con tôi để các con tôi sớm được trở về cùng gia đình. Tôi xin Hội đồng xét xử cân nhắc đến hoàn cảnh của gia đình tôi, cho các con tôi được hưởng mức án thấp nhất để các con tôi sớm được trở về với gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Nông Văn Dự - trợ giúp viên pháp lý tỉnh Cao Bằng trình bày luận cứ bảo vệ: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án, quá trình điều tra tôi là luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo T đã được tham gia đầy đủ các lần cơ quan điều tra tiến hành ghi lời khai. Việc điều tra, truy tố của các cơ quan thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo thật thà khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa hạn chế, chưa nhận thức được về hành vi và hậu quả, hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố bị cáo về tội cướp giật tài sản theo khoản 1 Điều 136 - Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60, Điều 69. Điều 74 – Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo với mức án thấp nhất, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành công dân tốt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Diễn biến tại phiên tòa cho thấy giữa các bị cáo không tồn tại quan hệ chỉ huy, phục tùng, các bị cáo chỉ phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 136, Điều 217, điểm b, p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Văn A; áp dụng khoản 1 Điều 136, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, khoản 4 Điều 71, khoản 1 Điều 74 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Văn T; Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn A và Triệu Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo A từ 15 đến 18 tháng tù, xử phạt bị cáo T từ 12 đến 18 tháng tù.

Tại phần tranh luận, các bị cáo, chị Hoàng Thị Thu D không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Khoảng 15 giờ, ngày 20 tháng 5 năm 2017, tại cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại của anh Lô Quang H (Tại ki ốt số 5 Chợ X, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng), Triệu Văn A và Triệu Văn T đã có hành vi cướp giật 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng gold bản 64 GB có giá trị còn lại là 6.475.000đ (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo A có trình độ học vấn lớp 06/12 PT, bị cáo T có trình độ học vấn lớp 6/12 PT, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ Luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung "phạm tội có tổ chức". Hội đồng xét xử xét thấy: do muốn có tiền để sử dụng nên Triệu Văn A đã rủ em trai Triệu Văn T thực hiện hành vi cướp giật tài sản, mặc dù trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể (Bị cáo A là người trực tiếp thực hiện việc cướp giật, còn bị cáo T điều khiển xe mô tô đợi ở ngoài, khi nào A cướp giật được điện thoại chạy ra, thì cả hai lên xe mô tô chạy trốn). Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo chỉ thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không thỏa mãn quy định tại khoản 3 Điều 20 Bộ luật hình sự, do đó, không thuộc trường hợp "Phạm tội có tổ chức" như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 136, điểm b, p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Văn A; áp dụng khoản 1 Điều 136, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, khoản 4 Điều 71, khoản 1 Điều 74 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Văn T là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo A và bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai

báo hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo A được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ là "Thành khẩn khai báo", "Người phạm tội bồi thường thiệt hại", "Người phạm tội tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra tội phạm" quy định tại các điểm b, p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là "Thành khẩn khai báo", "Người phạm tội bồi thường thiệt hại" quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều là những thanh niên lười lao động, thích hưởng thụ nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo A đóng vai trò của người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T tham gia trong vụ án này với vai trò là đồng phạm, giúp sức tích cực cho bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội theo kế hoạch đã bàn bạc, thống nhất từ trước.

Ngoài hình phạt chính, theo khoản 5 Điều 136 Bộ luật hình sự các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo hoàn toàn phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của cáo nên cần được chấp nhận. Xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Lô Quang H xác nhận đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của chị Hoàng Thị Thu D là người đã mua chiếc điện thoại Iphone 6 của các bị cáo, chị D không biết chiếc điện thoại do các bị cáo phạm tội mà có. Tại phiên tòa, chị D và các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về số tiền phải hoàn trả cho chị Hoàng Thị Thu D (Địa chỉ: Tổ M, thị trấn TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng) là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Do vậy hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch của số tiền phải hoàn trả cho chị D theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn A và Triệu Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 136, điểm b, p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Văn A.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 136, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, khoản 4 Điều 71, khoản 1 Điều 74 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Văn T.

Điều 191 – Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn A 15 (Mười năm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 24/5/2017.

Bị cáo Triệu Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại thụ hình án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận anh Lô Quang H đã nhận lại 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu vàng gold bản 64GB và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Công nhận việc thỏa thuận giữa các bị cáo Triệu Văn A và Triệu Văn T về việc bồi thường cho chị Hoàng Thị Thu D (Tổ M, thị trấn TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng) số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo Triệu Văn A và Triệu Văn T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự. Cộng cả hai khoản, mỗi bị cáo phải chịu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo và chị Hoàng Thị Thu D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại Lô Quang H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bế Lan Phương